|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Tiết 126** | **Tiết 127** |
| Ngày dạy: | Lớp 8a: | Lớp 8a: |

**Bài 43: QUẦN XÃ SINH VẬT**

***Môn học: KHTN 8 (Phần Sinh học)***

***Thời gian thực hiện: 2 tiết (tiết 126, 127 - tuần 32)***

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Phát biểu được khái niệm quần xã sinh vật.

- Nêu được một số đặc trưng cơ bản của quần xã. Lấy được ví dụ minh họa.

- Nêu được một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã.

**2.1. Năng lực chung:**

*- Tự chủ và tự học:* Tìm kiếm thông tin, đọc sách giáo khoa, quan sát tranh ảnh để tìm hiểu về khái niệm, một số đặc trưng cơ bản và biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã.

*- Giao tiếp và hợp tác:* Thảo luận nhóm một cách có hiệu quả khi thực hiện các nhiệm vụ học tập

*- Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Thảo luận với các thành viên trong nhóm nhằm giải quyết các vấn đề trong bài học để hoàn thành nhiệm vụ học tập.

**2.2. Năng lực khoa học tự nhiên :**

*Nhận thức khoa học tự nhiên:*

- Phát biểu được khái niệm quần xã sinh vật.

- Nêu được một số đặc trưng cơ bản của quần xã. Lấy được ví dụ minh họa.

- Nêu được một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã.

*Tìm hiểu tự nhiên:*

- Biết được vai trò của từng đặc trưng trong quần xã.

- Đề xuất được một số biện pháp bảo để bảo vệ các quần xã sinh vật trong tự nhiên

*Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:* Vận dụng được hiểu biết về quần xã sinh vật vào thực tiễn trồng trọt và chăn nuôi.

**3. Phẩm chất:** Thông qua thực hiện bài học sẽ tạo điều kiện để học sinh:

- Chăm học, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ học tập nhằm tìm hiểu về quần xã, các đặc trưng cơ bản của quần xã, biện pháp bảo vệ quần xã sinh vật.

- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ.

- Trung thực trong báo cáo, thảo luận hoạt động nhóm.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Bài Soạn + GA powerpoint + Máy tính, tivi.

**2. Chuẩn bị của học sinh:**

- Vở ghi + SGK + Đồ dùng học tập + Đọc trước bài ở nhà.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)**

**a. Mục tiêu:** Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập, tạo tâm thế hứng thú, sẵn sàng tìm hiểu kiến thức mới.

**b. Nội dung:** HS cá nhân đưa ra câu trả lời cho tình huống GV đưa ra.

**c. Sản phẩm:** Các câu trả lời của HS (có thể đúng hoặc sai).

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV yêu cầu học sinh cá nhân đưa ra câu trả lời cho tình huống: *Trong một khoảng không gian xác định luôn có nhiều quần thể cùng tồn tại tạo nên một cấp độ tổ chức sống cao hơn, đó là quần xã sinh vật. Quần xã sinh vật là gì và có những đặc trưng cơ bản nào?*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  -Học sinh suy nghĩ và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - GV gọi HS trình bày câu trả lời.  **Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, ghi nhận các ý kiến của HS.  - GV chưa chốt kiến thức mà dẫn dắt vào bài học mới: *Để giải thích câu hỏi này đầy đủ và chính xác, chúng ta cùng đi vào bài học ngày hôm nay.* | *Gợi ý câu trả lời của hoạt động khởi động:*  - Quần xã sinh vật là một tập hợp các quần thể sinh vật thuộc nhiều loài khác nhau, cùng sống trong một không gian và thời gian nhất định.  - Các đặc trưng cơ bản của quần xã gồm: độ đa dạng và thành phần loài trong quần xã. |

**2. Hình thành kiến thức mới**

**Hoạt động 2.1: Tìm hiểu về quần xã sinh vật.**

**a. Mục tiêu:** Phát biểu được khái niệm quần xã sinh vật..

**b. Nội dung:**

*-* HS cá nhân quan sát Hình 43.1; nghiên cứu thông tin SGK/177; thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/177 và rút ra khái niệm về quần xã sinh vật.

**c.****Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của HS.

**d.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS cá nhân quan sát Hình 43.1 SGK/177:  - GV cho HS cá nhân nghiên cứu thông tin SGK/177; thảo luận nhóm trả lời câu hỏi nội dung hoạt động SGK/177:  *1, Kể tên một số quần thể trong Hình 43.1*  *2, Lấy thêm ví dụ về quần xã sinh vật và chỉ ra các thành phần quần thể trong quần xã đó.*  - Gv cho HS rút ra khái niệm về quần xã sinh vật.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS cá nhân quan sát Hình 43.1 SGK/177.  - HS cá nhân nghiên cứu thông tin SGK/177; thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/177.  - HS rút ra khái niệm về quần xã sinh vật.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS các nhóm trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS đưa ra khái niệm về quần xã sinh vật.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức | **I. Quần xã sinh vật.**  *Gợi ý câu trả lời câu hỏi hoạt động nhóm:*  ***1,*** *Quần thể cá, vịt ếch, bươm bướm, sen, rong, ...*  ***2,*** *Ví dụ: Ruộng lúa là một quần xã sinh vật, gồm có các quần thể như: lúa, cỏ, giun đất, vi sinh vật,…*  **KL:**  **-** Quần xã sinh vật là một tập hợp các quần thể sinh vật thuộc nhiều loài khác nhau, cùng sinh sống trong một không gian và thời gian nhất định. Các sinh vật trong quần xã có mối quan hệ gắn bó với nhau như một thể thống nhất, do đó quần xã có cấu trúc tương đối ổn định.  - Ví dụ, Vườn quốc gia Cúc Phương là một quần xã rừng nhiệt đới, có nhiều quần thể sinh vật cùng sinh sống ở đây như chò xanh, chò chỉ, khướu mỏ dài... trong một thời gian dài. |

**Hoạt động 2.2: Tìm hiểu về một số đặc trưng cơ bản của quần xã sinh vật.**

**a. Mục tiêu:** Nêu được một số đặc trưng cơ bản của quần xã. Lấy được ví dụ minh họa.

**b. Nội dung:**

- HS quan sát Hình 43.2, nghiên cứu thông tin phần II SGK/178, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/178.

- HS nghiên cứu thông tin SGK/178, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/179.

- HS rút ra kết luận về một số đặc trưng cơ bản của quần xã.

**c.****Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của HS.

**d.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV cho HS quan sát Hình 43.2:  Hãy sắp xếp các quần xã trong hình 43.2 theo thứ tự giảm dần về độ đa dạng. Tại sao lại có sự khác biệt lớn về độ đa dạng giữa các quần xã này  - HS nghiên cứu thông tin phần II SGK/178, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/178:  *Hãy sắp xếp các quần xã trong hình 43.2 theo thứ tự giảm dần về độ đa dạng. Tại sao lại có sự khác biệt lớn về độ đa dạng giữa các quần xã này*  - GV cho HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/179:  *1, Lấy ví dụ về loài ưu thế trong quần xã*  *2, Cho các loài sinh vật gồm lim xanh, gấu trắng, bò, lạc đà, lúa nước, đước. Em hãy xác định loài đặc trưng tương ứng với các quần xã sinh vật: bắc cực. sa mạc, rừng ngập mặn.*  - HS rút ra kết luận về một số đặc trưng cơ bản của quần xã.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS quan sát Hình 43.2, nghiên cứu thông tin phần II SGK/178, thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/178.  - HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi SGK/179.  - HS rút ra kết luận về một số đặc trưng cơ bản của quần xã.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS các nhóm trả lời câu hỏi, HS nhóm khác nhận xét, bổ sung.  - HS đưa ra kết luận về một số đặc trưng cơ bản của quần xã.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức | **II. Một số đặc trưng cơ bản của quần xã.**  *Gợi ý câu trả lời câu hỏi thảo luận:*  *- Thứ tự giảm dần về độ đa dạng các quần xã lần lượt là b (Rừng nhiệt đới) – c (Rừng ôn đới) – a (Đồng cỏ) - d (Sa mạc)*  *- Có sự khác biệt lớn về độ đa dạng giữa các quần xã này chủ yếu là do điều kiện khí hậu khác nhau ở mỗi vùng: Rừng mưa nhiệt đới có khí hậu nóng ẩm, tương đối ổn định thích hợp với sự sinh trưởng và phát triển của nhiều loài sinh vật nên có độ đa dạng cao. Ngược lại, sa mạc có khí hậu nắng hạn khắc nghiệt dẫn đến có ít loài sinh vật có thể thích nghi để sinh trưởng và phát triển nên có độ đa dạng thấp.*  *Gợi ý câu trả lời câu hỏi thảo luận:*  *1, Ví dụ: lúa là loài ưu thế trong quần xã ruộng lúa*  *2,*  *- Loài đặc trưng của quần xã sinh vật bắc cực: gấu trắng.*  *- Loài đặc trưng của quần xã sinh vật sa mạc: lạc đà.*  *- Loài đặc trưng của quần xã sinh vật rừng ngập mặn: đước.*  **KL:**  Một số đặc trưng cơ bản của quần xã như độ đa dạng và thành phần loài trong quần xã  - Độ đa dạng trong quần xã được thể hiện bằng mức độ phong phú về số lượng loài và số lượng cá thể của mỗi loài trong quần xã.  - Loài ưu thế là loài có số lượng cá thể nhiều, hoạt động mạnh, đóng vai trò quan trọng trong quần xã.  Ví dụ: Lúa là loài ưu thế trong quần xã lúa  - Loài đặc trưng là loài chỉ có ở một quần xã hoặc có nhiều hơn hẳn các loài khác trong quần xã.  Ví dụ: Loài đặc trưng của rừng U Minh là cây tràm. |

**Hoạt động 2.3: Tìm hiểu về biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã.**

**a. Mục tiêu:** Nêu được một số biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã. .

**b. Nội dung:**HS nghiên cứu thông tin phần III - SGK/179, hoạt động nhóm trả lời câu hỏi nội dung hoạt động SGK/179 và rút ra kết luận về biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã.

**c.****Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của HS.

**d.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.**  - GV choHS nghiên cứu thông tin phần III - SGK/179, hoạt động nhóm trả lời câu hỏi hoạt động SGK/179:  *Đọc thông tin và thảo luận nhóm về hiệu quả của các biện pháp dưới đây trong việc bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã.*  *1, Bảo vệ môi trường sống của các loài trong quần xã.*  *2, Cấm săn bắn động vật hoang dã có nguy cơ tuyệt chủng.*  *3, Trồng rừng ngập mặn ven biển.*  *3, Phòng chống cháy rừng.*  - GV cho HS rút ra kết luận về biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS nghiên cứu thông tin phần III - SGK/179, hoạt động nhóm trả lời câu hỏi nội dung hoạt động SGK/179.  - HS rút ra kết luận về biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS các nhóm trả lời câu hỏi, HS khác nhận xét, bổ sung.  - HS đưa ra kết luận về biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, đánh giá, chốt nội dung kiến thức  - GV cho HS hệ thống lại các nội dung chính của bài theo mục Em đã học SGK/179.  - GV cho HS đọc thông tin mục Em có biết SGK/179.  - GV cho HS thực hiện mục Em có thể SGK/179 tại nhà. | **III. Bảo vệ đa dạng sinh học trong quần xã.**  *Gợi ý trả lời câu hỏi hoạt động nhóm:*  **KL:**  - Tuyên truyền về giá trị của đa dạng sinh học  - Xây dựng luật và chiến lược quốc gia về bảo tồn đa dạng sinh học  - Thành lập các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên  - Tăng cường công tác bảo vệ nguồn tài nguyên sinh vật  - Cấm săn bắt, mua bán trái pháp luật những loài sinh vật có nguy cơ tuyệt chủng |

**Hoạt động 3: Luyện tập**

**a. Mục tiêu:** Sử dụng kiến thức đã học để trả lời được các câu hỏi trắc nghiệm.

**b. Nội dung:** HS cá nhân trả lời các câu hỏi trắc nghiệm.

**c.****Sản phẩm:** Kết quả câu trả lời của HS.

**d.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập**  - GV Cho HS cá nhân trả lời các câu hỏi trắc nghiệm:  **Câu 1:**  Khi sâu bọ phát triển mạnh, số lượng chim sâu cũng tăng theo. Khi số lượng chim sâu tăng quá nhiều, sâu bọ bị quần thể chim sâu tiêu diệt mạnh mẽ hơn nên số lượng sâu bọ lại giảm mạnh đi. Sự hạn chế số lượng sâu là hiện tượng  A. cơ chế điều hòa mật độ. B. sự cân bằng sinh học.  C. trạng thái cân bằng. D. khống chế sinh học.  **Câu 2:** Quần xã sinh vật là  A. tập hợp các sinh vật cùng loài.  B. tập hợp các cá thể sinh vật khác loài.  C. tập hợp các quần thể sinh vật khác loài.  D. tập hợp toàn bộ các sinh vật trong tự nhiên.  **Câu 3:** Hiện tượng khống chế sinh học trong quần xã dẫn đến hệ quả nào sau đây?  A. Đảm bảo cân bằng sinh thái.  B. Làm cho quần xã không phát triển được.  C. Làm mất cân bằng sinh thái.  D. Đảm bảo khả năng tồn tại của quần xã.  **Câu 4:** Hiện tượng số lượng cá thể của một quần thể bị số lượng cá thể của quần thể khác trong quần xã kìm hãm là hiện tượng nào sau đây?  A. Khống chế sinh học. B. Cạnh tranh giữa các loài.  C. Hỗ trợ giữa các loài. D. Hội sinh giữa các loài.  **Câu 5:** Tập hợp nào sau đây không phải là quần xã sinh vật?  A. Tập hợp những loài sinh vật sống trong một khu rừng.  B. Tập hợp những loài sinh vật sống trong một hồ tự nhiên.  C. Tập hợp những con chuột trong một đàn chuột đồng  D. Tập hợp những con cá sống trong một ao cá.  **Câu 6:** Số lượng cá thể trong quần xã luôn được khống chế ở mức độ nhất định phù hợp với khả năng của môi trường. Hiện tượng này gọi là  A. sự cân bằng sinh học trong quần xã.  B. sự phát triển của quần xã.  C. sự giảm sút của quần xã.  D. sự bất biến của quần xã.  **Câu 7:** Điểm giống nhau giữa quần thể sinh vật và quần xã sinh vật là  A. tập hợp nhiều quần thể sinh vật.  B. tập hợp nhiều cá thể sinh vật.  C. gồm các sinh vật trong cùng một loài.  D. gồm các sinh vật khác loài.  **Câu 8:** Trong quần xã ao nuôi cá, người ta thường thả nhiều loài cá trong ao nhằm  A. tận dụng diện tích ao hồ và tận dụng triệt để nguồn thức ăn trong ao.  B. để dễ quan sát và tiện việc chăm sóc.  C. để tránh sự cạnh tranh về thức ăn trong ao.  D. để chúng cùng hỗ trợ nhau trong cuộc sống chung.  **Câu 9:** “Gặp khí hậu thuận lợi, cây cối xanh tốt, sâu ăn lá cây sinh sản mạnh, số lượng sâu tăng khiến cho số lượng chim sâu cũng tăng theo.Tuy nhiên, khi số lượng chim sâu tăng quá nhiều, chim ăn nhiều sâu dẫn tới số lượng sâu lại giảm” Đây là ví dụ minh họa về  A. diễn thế sinh thái. B. cân bằng quần thể.  C. giới hạn sinh thái. D. cân bằng sinh học  **Câu 10:** Trong các hệ sinh thái trên cạn, loài ưu thế thường thuộc về  A. giới động vật. B. giới thực vật.  C. giới nấm. D. giới nhân sơ (vi khuẩn).  **Câu 11:** Đặc điểm nào có ở quần xã mà không có ở quần thể sinh vật?  A. Có số cá thể cùng một loài.  B. Cùng phân bố trong một khoảng không gian xác định.  C. Tập hợp các quần thể thuộc nhiều loài sinh vật.  D. Xảy ra hiện tượng giao phối và sinh sản.  **Câu 12:** Hãy lựa chọn phát biểu sai trong các phát biểu sau  A. Độ đa dạng của quần xã thể hiện bởi mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã.  B. Số lượng cá thể trong quần xã thay đổi theo những thay đổi của ngoại cảnh.  C. Số lượng loài trong quần xã được đánh giá qua những chỉ số về độ đa dang, độ nhiều, độ thường gặp.  D. Quần xã có cấu trúc không ổn định, luôn thay đổi.  **Câu 13:** Quần xã nào sau đây có độ đa dạng cao nhất?  A. Quần xã sinh vật rừng thông phương Bắc.  B. Quần xã sinh vật rừng mưa nhiệt đới.  C. Quần xã sinh vật savan.  D. Quần xã sinh vật rừng lá rộng ôn đới.  **Câu 14:** Những nhân tố sinh thái nào ảnh hưởng tới quần xã, tạo nên sự thay đổi?  A. Nhân tố sinh thái vô sinh.  B. Nhân tố sinh thái hữu sinh.  C. Nhân tố sinh thái vô sinh và hữu sinh.  D. Nhân tố ánh sáng, nhiệt độ, con người.  **Câu 15:** Quần xã sinh vật có những dấu hiệu điển hình nào?  A. Số lượng các loài trong quần xã.  B. Thành phần loài trong quần xã.  C. Số lượng các cá thể của từng loài trong quần xã.  D. Số lượng và thành phần loài trong quần xã.  **Câu 16:** Cho các hoạt động sau:  1. Cây rụng lá vào mùa đông.  2. Chim di cư về phía Nam vào mùa đông.  3. Cú mèo hoạt động ít hoạt động vào ban ngày, hoạt động nhiều vào ban đêm.  4. Hoa Quỳnh nở vào buổi tối.  Trong các hoạt động trên, những hoạt động có chu kỳ mùa là  A. 1, 2 B. 3, 4 C. 1, 2, 3, 4 D. 1, 2, 4  **Câu 17:** Trong quần xã rừng U Minh, cây tràm được coi là loài  A. ưu thế. B. đặc trưng.  C. tiên phong. D. ổn định.  **Câu 18:** Loài đặc trưng là  A. loài có số lượng ít nhất trong quần xã.  B. loài có số lượng nhiều trong quần xã.  C. loài chỉ có ở một quần xã hoặc có nhiều hơn hẳn các loài khác.  D. loài có vai trò quan trọng trong quần xã.  **Câu 19:** Ví dụ nào sau đây được coi là một quần xã sinh vật?  A. Cây sống trong một khu vườn.  B. Cá rô phi sống trong một cái ao.  C. Rắn hổ mang sống trên 3 hòn đảo khác nhau.  D. Rừng cây thông nhựa phân bố tại vùng núi Đông Bắc Việt Nam.  **Câu 20:** Số lượng các loài trong quần xã thể hiện ở chỉ số nào sau đây?  A. Độ nhiều, độ đa dạng, độ tập trung.  B. Độ đa dạng, độ thường gặp, độ tập trung.  C. Độ thường gặp, độ nhiều, độ tập trung.  D. Độ đa dạng, độ thường gặp, độ nhiều.  **Câu 21:** Trong quần xã loài ưu thế là loài  A. có số lượng ít nhất trong quần xã.  B. có số lượng nhiều trong quần xã.  C. phân bố nhiều nơi trong quần xã.  D. có vai trò quan trọng trong quần xã.  **Câu 22:** Độ đa dạng của quần xã sinh vật được thể hiện ở  A. mật độ của các nhóm cá thể trong quần xã.  B. mức độ phong phú về số lượng loài trong quần xã.  C. sự khác nhau về lứa tuổi của các cá thể trong quần xã.  D. biến động về mật độ cá thể trong quần xã.  **Câu 23:** Chỉ số thể hiện tỉ lệ % số địa điểm bắt gặp một loài trong tổng số địa điểm quan sát ở quần xã là  A. độ đa dạng. B. độ nhiều.  C. độ thường gặp. D. độ tập trung.  **Câu 24:** Số lượng các loài trong quần xã được đặc trưng bởi các chỉ số  A. độ đa dạng. B. độ nhiều.  C. độ thường gặp. D. cả A, B, C đều đúng.  **Câu 25:** Độ nhiều của quần xã thể hiện ở  A. khả năng sinh sản của các cá thể trong một quần thể nào đó tăng lên.  B. tỉ lệ tử vong của một quần thể nào đó giảm xuống.  C. mật độ các cá thể của từng quần thể trong quần xã.  D. mức độ di cư của các cá thể trong quần xã.  **Câu 26:**Tất cả các loài sinh vật sống trong một đầm nước nông đang bị bồi cạn thuộc về một:  A. Quần xã sinh vật. B. Quần xã các loài sinh vật dị dưỡng.  C. Nhóm sinh vật tiêu thụ. D. Nhóm sinh vật phân giải  **Câu 27:**Thành phần không thuộc quần xã là  A. Sinh vật phân giải B. Sinh vật tiêu thụ.  C. Sinh vật sản xuất. D. Xác sinh vật, chất hữu cơ.  **Câu 28:**Đặc trưng nào sau đây là của quần xã sinh vật?  A. Kiểu tăng trưởng. B. Nhóm tuổi.  C. Thành phần loài. D. Mật độ cá thể.  **Câu 29:**Trong các đặc trưng sau, có bao nhiêu đặc trưng của quần xã sinh vật?  (1) Mật độ cá thể.  (2) Loài ưu thế  (3) Loài đặc trưng  (4) Nhóm tuổi  A. 1 B. 2 C. 3 D. 4  **Câu 30.** Trong quần xã sinh vật đồng cỏ loài ưu thế là:  A. cỏ B. râu bò C. sâu ăn cỏ D. bướm  **Câu 31.** Trong quần xã sinh vật, loài có số lượng cá thể nhiều và hoạt động mạnh được gọi là.  A. Loài đặc trưng B. Loài đặc hữu  C. Loài ưu thế    D. Loài ngẫu nhiên  **Câu 32**. Khi nói về độ đa dạng của quần xã sinh vật, phát biểu nào sau đây đúng?  A. Các quần xã sinh vật khác nhau nhưng có độ đa dạng giống nhau.  B. Số lượng loài trong quần xã là một chỉ tiêu biểu thị độ đa dạng của quần xã đó.  C. Quần xã có độ đa dạng cao khi có số lượng loài lớn và số cá thể của mỗi loài thấp.  D. Mức độ đa dạng của quần xã không biểu thị sự ổn định hay suy thoái của quần xã.  **Câu 33.** Khẳng định nào sau đây không đúng?  A. Mỗi quần xã thường có một số lượng loài nhất định, khác với quần xã khác.  B. Các quần xã ở vùng ôn đới do có điều kiện môi trường phức tạp nên độ đa dạng loài cao hơn các quần xã ở vùng nhiệt đới.  C. Tính đa dạng về loài của quần xã phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: sự cạnh tranh giữa các loài, mối quan hệ vật ăn thịt – con mồi, sự thay đổi môi trường vô sinh.  D. Quần xã càng đa dạng về loài bao nhiêu thì số lượng cá thể của mỗi loài càng ít bấy nhiêu.  **Câu 34**: Trong các hệ sinh thái trên cạn, loài ưu thế thường thuộc về  A. giới động vật B. giới thực vật  C. giới nấm D. giới nhân sơ (vi khuẩn)  **Câu** 35: Khi nói về mối quan hệ giữa sinh vật ăn thịt và con mồi trong một quần xã sinh vật, phát biểu nào sau đây đúng?  A. Số lượng cá thể sinh vật ăn thịt bao giờ cũng nhiều hơn số lượng cá thể con mồi.  B. Mỗi loài sinh vật ăn thịt chỉ sử dụng một loại con mồi nhất định làm thức ăn.  C. Theo thời gian con mồi sẽ dần dần bị sinh vật ăn thịt tiêu diệt hoàn toàn.  D. Trong một chuỗi thức ăn, sinh vật ăn thịt và con mồi không cùng một bậc dinh dưỡng.  **Câu 36:** Trong một quần xã có một vài quần thể có số lượng cá thể phát triển mạnh hơn. Các quần thể đó được gọi là  A. quần thể trung tâm B. quần thể chính  C. quần thể ưu thế D. quần thể chủ yếu  **Câu 37.** Nếu vì một lí do nào đó mà loài ưu thế bị mất đi thì loài sẽ thay thế là loài chủ chốt.  (2) Loài ngẫu nhiên có thể thay thế cho một nhóm loài khác khi nhóm này suy vong vì một lí do nào đó.  (3) Nhóm loài ngẫu nhiên là nhóm loài có tần suất xuất hiện và độ phong phú thấp, nhưng sự có mặt của chúng lại làm tăng mức đa dạng cho quần xã.  (4) Loài đặc trưng là loài chỉ có ở một vài quần thể, có thể có số lượng nhiều và có vai trò quan trọng so với các loài khác.  Số phát biểu có nội dung đúng là:  A. 4.      B. 2.       C. 1.      D. 3.  ***HD giải :*** *Xét các phát biểu của đề bài:*  *Phát biểu 1: Nếu vì một lí do nào đó mà loài ưu thế bị mất đi thì loài sẽ thay thế là loài chủ chốt. Phát biểu này sai vì loài thứ yếu mới đóng vai trò thay thế cho loài ưu thế khi nhóm này suy vong vì nguyên nhân nào đó chứ không phải loài chủ chốt.*  *Phát biểu 2: Loài ngẫu nhiên có thể thay thế cho một nhóm loài khác trong quần thể khi nhóm này suy vong vì một lí do nào đó. Phát biểu này đúng vì khi môi trường sống bị thay đổi làm cho nhóm loài ưu thế bị suy vong, một loài ngẫu nhiên nào đó trong quần xã thích nghi với điều kiện môi trường mới, do đó nó sinh trưởng và phát triển nhanh, chiếm số lượng lớn, dần dần thay thế cho loài ưu thế trước đó.*  *Phát biểu 3: Nhóm loài ngẫu nhiên là nhóm loài có tần suất xuất hiện và độ phong phú thấp, nhưng sự có mặt của chúng lại làm tăng mức đa dạng cho quần xã. Phát biểu này đúng.*  *Phát biểu 4: Loài đặc trưng là loài chỉ có ở một vài quần thể, có thể có số lượng nhiều và có vai trò quan trọng so với các loài khác. Phát biểu này sai vì loài đặc trưng chỉ có ở một quần xã nào đó hoặc là loài có số lượng nhiều hơn hẳn các loài khác và có vai trò quan trọng trong quần xã so với các loài khác.*  *Vậy có 2 phát biểu đúng là các phát biểu: 2, 3 → chọn đáp án B.*  **Câu 38:** Trong các quần xã sinh vật sau đây, quần xã nào thường có sự phân tầng mạnh nhất?  A. Quần xã rừng lá rộng ôn đới.  B. Quần xã đồng rêu hàn đới.  C. Quần xã đồng cỏ.  D. Quần xã đồng ruộng có nhiều loại cây.  ***HD giải :*** *Ở quần xã rừng mưa nhiệt đới (quần xã rừng lá rộng ôn đới) phân thành nhiều tầng cây, mỗi tầng cây thích nghi với mức độ chiếu sáng khác nhau trong quần xã. Từ trên cao xuống thấp có tầng vượt tán, tầng táng rừng, tầng dưới tán, tầng thảm xanh. Sự phân tầng của thực vật kéo theo sự phân tầng của các loài động vật sống trong rừng, nhiều loài chim, côn trùng sống trên tán các cây cao; khỉ, vượn, sóc sống leo trèo trên cành cây; trong khi đó có nhiều loài động vật sống trên mặt đất và trong các tầng đất.*  **Câu 39:** Trong nghề nuôi cá để thu được năng suất cá tối đa trên một đơn vị diện tích mặt nước thì điều nào dưới đây là cần làm hơn cả?  A. Nuôi nhiều loài cá sống ở các tầng nước khác nhau.  B. Nuôi nhiều loài cá thuộc cùng một chuỗi thức ăn.  C. Nuôi nhiều loài cá với mật độ càng cao càng tốt.  D. Nuôi một loài cá thích hợp với mật độ cao và cho dư thừa thức ăn.  ***HD giải :*** *Trong nghề nuôi cá để thu được năng suất cá tối đa trên một đơn vị diện tích mặt nước thì cần nuôi nhiều loài cá để tận dụng mọi nguồn thức ăn ở các mặt nước.*  *VD: nuôi kết hợp cá mè, cá trắm, cá chép, lươn,... vì thức ăn của những loài này ở các tầng nước khác nhau → có thể tận dụng nguồn thức ăn*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  - HS cá nhân trả lời câu hỏi trắc nghiệm và giải thích.  **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**  - HS lần lượt trả lời từng câu hỏi trắc nghiệm.  - HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  GV Nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **III. Luyện tập**  ***Đáp án câu hỏi trắc nghiệm:***  **Câu 1:** D  **Câu 2:** C  **Câu 3:** A  **Câu 4**: A  **Câu 5:** C  **Câu 6**: A  **Câu 7:** B  **Câu 8**: A  **Câu 9**: D  **Câu 10**: B  **Câu 11**: C  **Câu 12**: D  **Câu 13**: B    **Câu 14:** C    **Câu 15**: B    **Câu 16:** A  **Câu 17:** B  **Câu 18:** C  **Câu 19**: A  **Câu 20:** D  **Câu 21**: D  **Câu 22:** B  **Câu 23**: C  **Câu 24**: D  **Câu 25**: C  **Câu 26**: A  **Câu 27**: D  **Câu 28**: C  **Câu 29:** B  **Câu 30:** A  **Câu 31**: C  **Câu 32**: B  **Câu 33**: B  **Câu 34:** B  **Câu 35**: D  **Câu 36**: C  **Câu 37:** B  **Câu 38**: A  **Câu 39**: A |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức đã học vào giải quyết tình huống thực tiễn.

**b. Nội dung:**HS vận dụng kiến thức giải quyết các tình huống thực tiễn.

**c. Sản phẩm:** Kết quả thực hiện bài tập của học sinh.

**d.****Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**  HS thảo luận nhóm trả lời câu hỏi:  **Câu 1.** Hãy lấy thêm một ví dụ về quan hệ ảnh hưởng của ngoại cảnh tới số lượng cá thể của quần thể trong quần xã.  **Câu 2.** Số lượng cá thể của mỗi quần thể trong quần xã luôn được khống chế như thế nào?  **Câu 3.** Cho các loài sinh vật gồm cọ, tràm. Em hãy xác định loài đặc trưng tương ứng với các quần xã sinh vật: quần xã vùng đồi Phú Thọ, quần xã rừng U Minh.  **Bước 2: HS thực hiện nhiệm vụ học tập**  HS: Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi  **Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**  HS: Các nhóm báo cáo kết quả hoạt động.  HS: Nhóm khác nhận xét, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV: Nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức. | **IV. Vận dụng.**  *Hướng dẫn trả lời câu hỏi thảo luận:*  **Câu 1.**  - Khi xảy ra cháy rừng, các quần thể thực vật sẽ bị giảm số lượng do bị thiêu cháy, các sinh vật sống trong rừng sẽ bị chết, mất nguồn thức ăn, nơi ở và trú ẩn,… do đó số lượng các cá thể của quần thể sống trong quần xã rừng sẽ giảm nhanh chóng  **Câu 2.**  Số lượng cá thể của mỗi quần thể trong quần xã luôn được khống chế ở mức phù hợp với khả năng đáp ứng của điều kiện môi trường.  **Câu 3.**  - Loài đặc trưng của quần xã vùng đồi Vĩnh Phú: cây cọ  - Loài đặc trưng của quần xã rừng U Minh: tràm |

**\* Hướng dẫn HS tự học ở nhà**

1. Ôn tập lại các kiến thức bài 43.

2. Làm bài tập bài 43 trong SBT

3. Đọc trước nội dung bài 44: Quần xã sinh vật.